

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin năm 2020

Căn cứ Thông tư 23/2018/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Văn bản số 2092/BTTTT-KHTC ngày 28/6/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng, đề xuất kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin (CNTT) năm 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NĂM 2019

1. Đối với các nội dung, nhiệm vụ thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư

Trong năm 2019, tỉnh Kon Tum không được hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư phát triển của Chương trình.

2. Đối với các nội dung, nhiệm vụ thực hiện bằng nguồn vốn sự nghiệp

Đến tháng 6 năm 2019, tỉnh Kon Tum được Trung ương phân bổ kinh phí 1.290.000.000 đ từ nguồn kinh phí sự nghiệp của Chương trình mục tiêu CNTT (trong đó: tháng 12 năm 2018 được phân bổ 1.000.000.000 đ, năm 2019 được phân bổ 290.000.000 đ) để thực hiện việc chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến, cung cấp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ kinh phí cho Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay chưa hoàn thành giải ngân kinh phí được giao.

Nguyên nhân: Thực hiện Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 – 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, theo đó đã giao Văn phòng UBND tỉnh triển khai phần mềm một cửa điện tử, tích hợp dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Theo Kế hoạch ngày 18 tháng 7 năm 2019, Trung tâm Phục vụ hành chính công chính thức khai trương và đi vào hoạt động. Như vậy, phần mềm một cửa điện tử hoạt động ổn định, hiệu quả sẽ triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

3. Những tồn tại, khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ của chương trình

Do ngân sách địa phương đang còn hạn hẹp nên việc bố trí vốn để triển khai các chương trình, dự án còn chậm; một số nội dung, nhiệm vụ đăng ký

nhưng chưa bố trí được nguồn kinh phí để triển khai thực hiện, do đó khó có thể đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đã đăng ký theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục quan tâm, xem xét, tạo điều kiện bố trí kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí cho tỉnh Kon Tum để thực hiện các nhiệm vụ nhằm xây dựng đồng bộ hạ tầng CNTT, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chất lượng hoạt động của các cơ quan nhà nước, góp phần xây dựng và hoàn thiện Chính quyền điện tử của tỉnh.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2020

1. Đối với các nội dung, nhiệm vụ thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư

Năm 2020, tỉnh Kon Tum không đề xuất trung ương hỗ trợ kinh phí từ nguồn vốn đầu tư.

2. Đối với các nội dung, nhiệm vụ thực hiện bằng nguồn vốn sự nghiệp

Căn cứ vào hiện trạng và nhu cầu phát triển ứng dụng CNTT, tỉnh Kon Tum đề xuất Trung ương hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp của Chương trình là 1,4 tỷ đồng để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020.

(chi tiết theo các phụ lục kế hoạch và biểu thuyết minh đính kèm)

Trên đây là Kế hoạch đề xuất thực hiện Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin năm 2020 của tỉnh Kon Tum. Kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông (t/h);
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Nga

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin năm 2020
(*Kèm theo Kế hoạch số 1751/KH-UBND ngày 15 / 7/2019 của UBND tỉnh Kon Tum*)

I. Thực trạng và sự cần thiết về nội dung, nhiệm vụ thực hiện chương trình

1. Thực trạng

1.1. Hạ tầng kỹ thuật

- *Hạ tầng máy tính:* Máy tính PC tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố hầu hết cấu hình ở mức độ trung bình. Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức cấp tỉnh đạt 97.89%; cấp huyện đạt 82.05%; cấp xã đạt 90.88%.

- *Hạ tầng mạng LAN và Internet:* 100% đơn vị, địa phương có mạng LAN và kết nối internet, với khoảng 106 máy chủ, trong đó cấp tỉnh 67 máy chủ, cấp huyện 39 máy chủ đáp ứng được nhu cầu trao đổi dữ liệu trong nội bộ cơ quan.

- *Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng:* Đã được kết nối đưa vào sử dụng cho 30/30 sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông. Hiện tỉnh Kon Tum mới chỉ sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng cho việc ứng dụng liên thông gửi/nhận văn bản điện tử.

- *Về hạ tầng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin:* Vấn đề an toàn, an ninh thông tin được các đơn vị chú trọng, cụ thể trong 6 tháng đầu năm 2019 tỷ lệ máy tính được trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền đạt 80 %; tỷ lệ máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus miễn phí đạt 29,75%.

- Các đơn vị chú trọng trong việc nâng cấp hệ thống mạng nội bộ (LAN) tạo sự kết nối trong nội bộ để thực hiện trao đổi, chia sẻ thông tin, máy in, bổ sung các thiết bị CNTT bằng nguồn chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm phục vụ nhu cầu chuyên môn, đáp ứng nhu cầu công tác.

- Hệ thống hạ tầng CNTT được Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ theo dự án “Đầu tư trang thiết bị ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước” trên địa bàn tỉnh Kon Tum được đặt tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông bao gồm: Hệ thống mạng và an toàn thông tin; hệ thống lưu trữ và sao lưu dữ liệu; hệ thống phụ trợ như thiết bị UPS, Tủ rack; 4 máy chủ vật lý, các phần mềm kèm theo. Hệ thống này đảm bảo khả năng tích hợp các cơ sở dữ liệu của các đơn vị, địa phương; chia sẻ thông tin chỉ đạo của UBND tỉnh và các cơ quan trong tỉnh, phục vụ triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh...

1.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước

1.2.1. Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành

Đã triển khai phần mềm Quản lý Văn bản và điều hành VNPT iOffice cho tất cả các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh, kết nối liên thông 4 cấp (xã - huyện - tỉnh - trung ương) trên đường truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt: 100%.

Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy đạt 30% (chỉ một số loại văn bản gửi song song cả bản điện tử và bản giấy).

1.2.2. Ứng dụng chữ ký số trên địa bàn tỉnh

Trong 6 tháng đầu năm 2019 tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt: 100%. Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy đạt 30% (chỉ một số loại văn bản gửi song song cả bản điện tử và bản giấy).

Tính đến tháng 6/2019, tổng số chứng thư số trên toàn tỉnh là 783 thiết bị cụ thể:

STT	Nội dung	2016	2017	2018	5/2019	Tổng
1	Cấp mới					
1.1	Chứng thư số cho tổ chức	31	150	45	2	228
1.2	Chứng thư số cho cá nhân	140	310	107	28	585
2						Thu hồi
2.1	Chứng thư số cho cá nhân		4	12	13	29
2.2	Chứng thư số cho tổ chức				1	1

Toàn tỉnh hiện có 227 đơn vị được cấp chứng thư số gồm: UBND tỉnh, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; 20 sở, ban, ngành; 64 đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành; 10 huyện, thành phố; 130 phòng, ban, xã, phường thị trấn trực thuộc của UBND huyện, thành phố; Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn phòng HĐND tỉnh.

Kết quả triển khai và sử dụng bước đầu đã có tác động rất tích cực trong việc rút ngắn thời gian chuyển, nhận văn bản, giảm thiểu chi phí trong phát hành

văn bản giấy, góp phần hiện đại hóa nền hành chính công, từng bước nâng cao trình độ ứng dụng CNTT của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, đồng thời hỗ trợ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và nâng cao hiệu quả trong quá trình cải cách thủ tục hành chính. Giảm văn bản giấy tờ, việc gửi nhận văn bản nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo gửi nhận an toàn và xác thực góp phần tăng cường công tác an toàn thông tin.

Góp phần thực hiện tốt Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động cơ quan nhà nước và Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; đồng thời cũng đề CB CCVC quen dần với việc giao dịch điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

Ký số trên văn bản điện tử giúp cho lãnh đạo cơ quan có thể giải quyết công việc ở mọi lúc, mọi nơi không phải buộc ở tại cơ quan giúp tăng cường năng lực điều hành.

Giúp nâng cao nhận thức vai trò cần thiết của việc triển khai văn bản điện tử nhất là bộ phận văn thư, từng bước quen dần việc sử dụng văn bản điện tử giảm văn bản giấy góp phần đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

1.2.3. Phần mềm một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến

Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 943/KH-UBND ngày 23/4/2019 về triển khai thử nghiệm Hệ thống thông tin Một cửa điện tử VNPT Igate tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh. Viễn thông Kon Tum đã tiến hành xây dựng hệ thống để triển khai thử nghiệm cho các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

1.2.4. Tình hình sử dụng thư điện tử công vụ

Tỉnh Kon Tum đang sử dụng tài khoản thư điện tử công vụ của Chính phủ (... @chinhphu.vn) do Văn phòng Chính phủ cấp cho các đơn vị và lãnh đạo đơn vị. Việc sử dụng hộp thư điện tử Chính phủ trong công tác xử lý văn bản đã giúp cho các đơn vị tiết kiệm thời gian, chi phí; công việc được xử lý một cách nhanh chóng, đảm bảo tiến độ.

Do tỉnh chưa có hệ thống thư điện tử chính thức (dùng riêng) nên hầu hết cán bộ, công chức, viên chức (CB, CCVC) của các đơn vị, địa phương đều sử dụng thư điện tử miễn phí như yahoo, gmail, ... Việc sử dụng các hộp thư trên chỉ nên cho mục đích cá nhân, do không đảm bảo về bảo mật gây mất an toàn, an ninh thông tin.

1.2.5. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, tiến hành cung cấp 32 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ <http://dichvucong.kontum.gov.vn/>. Qua đó, đã công khai tiến độ giải quyết thủ tục hành chính lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, các hồ sơ đều được xử

lý đúng hạn. Hiện nay, một số sở, ban ngành của tỉnh đã được Bộ chủ quản triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

1.3 Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 30/30 sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có trang thông tin điện tử thành phần. Các Trang thông tin điện tử thành phần cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 Luật Công nghệ thông tin; Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước. Tích hợp các Trang thông tin điện tử thành phần, các hệ thống dịch vụ công của các ngành, các cấp vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

1.4. Nguồn nhân lực

- Có 100% các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố trong toàn tỉnh thực hiện ứng dụng CNTT phục vụ công tác với 90.4% cán bộ công chức thường xuyên sử dụng máy tính trong công việc (trong đó, tại các sở, ban, ngành chiếm 95.1% và UBND các huyện, thành phố chiếm 85.7%). Có 100% đơn vị, địa phương với 30 cán bộ phụ trách/kiêm nhiệm có trình độ chuyên môn về CNTT (trong đó: trên đại học 02 người; đại học 15 người; cao đẳng 11 người và chứng chỉ công nghệ thông tin 2 người).

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành tại các cơ quan, địa phương đạt được những bước chuyển biến tích cực, từ khâu tổ chức lập kế hoạch đến việc triển khai thực hiện ứng dụng CNTT. Nguồn nhân lực CNTT của các đơn vị, địa phương cơ bản đáp ứng được nhu cầu; tuy nhiên, cán bộ phụ trách CNTT tại các đơn vị chủ yếu là kiêm nhiệm nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc quản trị, vận hành hệ thống mạng tại đơn vị.

1.5. Đánh giá chung

1.5.1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã đẩy mạnh việc ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh, tạo những bước tiến quan trọng và đã đạt được một số mục tiêu cơ bản, cụ thể:

- CNTT ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, trở thành một trong những yếu tố quan trọng của sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Nhận thức của người đứng đầu các cơ quan đảng, chính quyền các cấp và cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước đã tăng rõ rệt; việc ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng trở thành thói quen, việc ứng dụng CNTT ngày càng phổ biến; người dân, doanh nghiệp kể cả nơi vùng sâu,

vùng xa trong tỉnh đều được tạo điều kiện để tiếp xúc khai thác và sử dụng thông tin điện tử và ứng dụng CNTT góp phần nâng cao dân trí, xóa đói, giảm nghèo.

- Ứng dụng CNTT đã góp phần tích cực trong cải cách hành chính và hiện đại hóa hành chính công. Người dân, doanh nghiệp đã được hưởng lợi ích từ việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT của các cơ quan, địa phương như thực hiện đăng ký kinh doanh, nộp thuế, nộp bảo hiểm, đổi giấy phép lái xe, nộp tiền điện, nước trực tuyến, giải quyết, tra cứu TTHC trực tuyến ...

1.5.2. Tồn tại, hạn chế

Kinh phí đầu tư cho ứng dụng CNTT ít, chưa có sự đầu tư tổng thể, do đó hạ tầng CNTT của tỉnh còn hạn chế, thiếu nền tảng đảm bảo sự liên thông, đồng bộ ứng dụng và dữ liệu trong toàn tỉnh, cụ thể:

- Hệ thống thông tin chưa đồng bộ, cơ sở dữ liệu còn phân tán, thiếu nền tảng để tạo sự liên thông, kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các chương trình ứng dụng.

- Còn thiếu nhiều ứng dụng dùng chung, các ứng dụng đã triển khai cũng cần nâng cấp nhằm đảm bảo tối ưu hóa trong xử lý, liên thông và kết nối, dùng chung và chia sẻ dữ liệu.

- Tỉnh đã ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum, phiên bản 1.0 nhưng khối lượng công việc và nguồn kinh phí triển khai rất lớn nên tỉnh chưa thực hiện được một số nội dung.

- Chưa có mạng WAN, đa số mạng LAN đều xây dựng không theo tiêu chuẩn, không đồng bộ, không có hệ thống an toàn, an ninh thông tin.

- Việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực CNTT chưa theo kịp yêu cầu và về số lượng cũng như chất lượng. Năng lực của đội ngũ CNTT còn nhiều bất cập như: trình độ tiếng Anh yếu, kiến thức, kỹ năng CNTT còn hạn chế, còn kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác.

- Chưa có cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Chưa có nhiều người dân biết và khai thác hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Do đó hồ sơ số lượng dịch vụ công trực tuyến phát sinh còn ít, hiệu quả sử dụng của người dân còn chưa cao.

2. Sự cần thiết đầu tư

Đến nay, định hướng triển khai ứng dụng CNTT đã được xác định tương đối hoàn chỉnh, Ủy ban nhân tỉnh Kon Tum đã xác định: Việc ứng dụng CNTT trong thời gian tới nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế đã nhận ra; đưa CNTT ứng dụng sâu rộng và trở thành nền tảng kết nối, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hiện nay, việc ứng dụng CNTT được triển khai nhằm góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thật sự thông thoáng, minh bạch, hấp

dẫn, thuận lợi, tạo điều kiện thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

Để đảm bảo định hướng đó, nguyên tắc hàng đầu cần xác định là sự liên thông, liên kết dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, đảm bảo dữ liệu được cung cấp một lần - sử dụng nhiều lần nhằm giảm thiểu sự phức tạp cho người dân và cán bộ, công chức. Để thực hiện nội dung này cần có một hạ tầng CNTT đồng bộ về cả phần cứng và phần mềm. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; tuyên truyền sâu rộng để đưa thực hiện giao tiếp với cơ quan nhà nước trên môi trường trực tuyến trở thành thói quen, lựa chọn tin tưởng của người dân, doanh nghiệp.

Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum đã được phê duyệt dựa trên thực trạng, chủ trương và nguyên tắc chung như trên. Những nội dung tỉnh Kon Tum đề xuất được xây dựng dựa trên những nội dung, định hướng được phê duyệt tại Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum phiên bản 1.0. Với sự hỗ trợ của trung ương và nỗ lực của tỉnh, việc triển khai các nội dung theo Kế hoạch là cần thiết và quan trọng là tạo nền tảng và động lực, khai thông những bế tắc và khó khăn hiện tại để các ứng dụng được triển khai nhanh chóng và hiệu quả hơn.

II. Căn cứ đề xuất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ

Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 10/7/2015;

Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2019;

Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020;

Thông tư số 23/2018/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 về ban hành kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Chương trình 74-CTr/TU, ngày 09-10-2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Chương trình số 74-CTr/TU, ngày 09-10-2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01-7-2014 của Bộ

Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương lập dự án Xây dựng và hoàn thiện chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 2300/KH-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020.

Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum, phiên bản 1.0;

Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh ban hành chương trình hành động triển khai thực hiện 03 lĩnh vực đột phá phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;

Kế hoạch số 1102/KH-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử tỉnh giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025.

III. Nội dung kế hoạch thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của chương trình

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể

1.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan Nhà nước, đưa ứng dụng CNTT trở thành hoạt động thường xuyên, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; đồng thời đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, góp phần cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc theo hướng hiện đại, phục vụ tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành từ trung ương đến địa phương

Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau; tăng tốc độ xử lý công việc, giảm các chi phí hoạt động trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Phát triển hạ tầng kỹ thuật, xây dựng một nền hành chính đồng bộ, hiện đại từ cấp tỉnh đến cơ sở, hoàn thiện các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên toàn tỉnh và quốc gia.

1.2. Các chỉ tiêu cụ thể năm 2020

- Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) và thường xuyên cập nhật, ban hành các phiên bản tiếp theo phù hợp với phiên bản Khung Kiến trúc

Chính phủ điện tử Việt Nam; triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh đã được phê duyệt trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan, đơn vị và kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia theo lộ trình quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Phấn đấu 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cấp xã thông qua việc tích hợp xác thực với các hệ thống xác thực của Trung ương và địa phương.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng cơ quan, đơn vị đạt từ 20% trở lên; thực hiện tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia tuân thủ theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh.

- Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; Cổng Dịch vụ công của tỉnh đảm bảo cung cấp giao diện cho các thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố công khai đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

- Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- Giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc được chuyển giao từ Trung ương và thông qua Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành của tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư, xây dựng, cập nhật, phát triển các cơ sở dữ liệu quan trọng về dân cư, đất đai, tài nguyên, môi trường, kinh tế, xã hội, doanh nghiệp...

đảm bảo kết nối đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia, tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum.

- Nâng cao năng lực, chất lượng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp huyện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu điện tử tỉnh Kon Tum theo các tiêu chuẩn quốc tế đảm bảo năng lực triển khai Chính quyền điện tử tỉnh. Nâng cấp hệ thống các mạng nội bộ (LAN), kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng; Đầu tư xây hệ thống đảm bảo an toàn thông tin cho các cơ quan, đơn vị tham gia vào hệ thống Mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Trang bị máy tính cho cán bộ công chức, viên chức đáp ứng nhu cầu công tác.

- Kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản tất cả các sở, ngành, đơn vị cấp huyện, cấp xã và kết nối, công khai tiến độ giải quyết hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

2. Quy mô, phạm vi đầu tư

2.1. Các nội dung, nhiệm vụ thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư của chương trình

Năm 2020, tỉnh Kon Tum không đề xuất trung ương hỗ trợ.

2.2. Các nội dung, nhiệm vụ thực hiện bằng nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình

2.2.1. Lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin

- Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp bộ, cấp tỉnh (LGSP);

- Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong nội bộ của Bộ, ngành, địa phương.

- Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) và thường xuyên cập nhật, ban hành các phiên bản tiếp theo phù hợp với phiên bản Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử tỉnh.

- Thực hiện kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia qua Trục liên thông văn bản quốc gia theo công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Xây dựng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

- Thiết lập, hoàn thiện Công Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử thống nhất, tập trung để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban ngành, địa phương.

- Triển khai hệ thống quản lý văn bản điện tử thông suốt, kết nối và liên thông văn bản điện tử, dữ liệu điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên nền tảng Web.

- Duy trì hoạt động Công thông tin điện tử tỉnh Kon Tum đảm bảo yêu cầu cung cấp, phổ biến thông tin của tỉnh; đồng thời, có khả năng liên kết, cung cấp các tiện ích tương tác đối với người truy cập phù hợp Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum. Duy trì và phát huy hiệu quả Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, đẩy mạnh hoạt động cung cấp thông tin và các dịch vụ hành chính công trực tuyến, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2.2.2. Lĩnh vực an toàn thông tin

- Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách về an toàn, an ninh thông tin nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử tỉnh.

- Triển khai thực hiện theo hướng dẫn công tác đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính quyền điện tử từ các cơ quan Trung ương; tổ chức hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan nhà nước.

- Triển khai xây dựng hệ thống giám sát mã độc tập trung theo Chỉ thị 14/CT-TTg, ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại; đồng thời, đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

2.2.3. Đề xuất trung ương hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp của Chương trình. Tổng kinh phí là 1,4 tỷ đồng, trong đó:

a) Thuê dịch vụ dò quét, phát hiện và gỡ bỏ mã độc trên các thiết bị máy chủ, máy trạm và các hệ thống thông tin quan trọng năm 2020.

- Nội dung: Thực hiện dò quét, phát hiện và gỡ bỏ mã độc trên các thiết bị máy chủ, máy trạm và các phần mềm dùng chung của tỉnh.

- Tổng dự toán: 800 triệu đồng.

Trong đó:

Ngân sách Trung ương: 800 triệu đồng

Ngân sách địa phương: 0 triệu đồng

b) Thuê dịch vụ giám sát đảm bảo an toàn thông tin của các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh năm 2020.

Nội dung: Kiểm tra, rà soát định kỳ hệ thống: Xây dựng phương án chủ động phòng ngừa các nguy cơ mất an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin dùng chung được xác định cấp độ ATTT cấp 3 trở lên như: Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Một cửa điện tử và dịch vụ công

Tổng dự toán: 600 triệu đồng

Trong đó:

Ngân sách Trung ương: 600 triệu đồng

Ngân sách địa phương: 0 triệu đồng

3. Các giải pháp

3.1. Giải pháp về tài chính

- Triển khai hình thức thuê dịch vụ CNTT theo Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước và theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung; đảm bảo khả năng bố trí kinh phí và tính khả thi về nguồn lực triển khai và hiệu quả đầu tư.

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin theo Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020.

- Kết hợp chặt chẽ giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương để thực hiện đồng bộ các chương trình, dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch. Ngân sách địa phương đầu tư cho ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, bao gồm: Đầu tư cho phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, ứng dụng CNTT; ngân sách Trung ương đầu tư cho hệ thống mạng chuyên dụng quốc gia; các dự án ứng dụng CNTT thuộc nội bộ ngành; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia...

- Các sở, ban, ngành của tỉnh hàng năm xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT tại đơn vị và đảm bảo bố trí kinh phí thực hiện.

- UBND các huyện, thành phố căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, có trách nhiệm cân đối ngân sách địa phương để đầu tư cho lĩnh vực ứng dụng CNTT của địa phương mình.

3.2. Giải pháp triển khai

- Thủ trưởng các sở, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo chức năng quản lý của đơn vị về lĩnh vực Công nghệ thông tin.

- Các cơ quan, đơn vị khi triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, ngành Trung ương trên địa bàn tỉnh (theo ngành dọc) phải có sự phối hợp, lồng ghép với kế hoạch của tỉnh trên cơ sở phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông để đảm bảo tính đồng bộ tránh trùng lặp, gây lãng phí.

- Mọi ứng dụng cần triển khai mô hình thí điểm, đánh giá hiệu quả, đúc kết kinh nghiệm sau đó quyết định việc tiếp tục triển khai nhân rộng.

- Tranh thủ sự chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành Trung ương và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ, ngành Trung ương để đảm bảo triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

3.3 Giải pháp tổ chức

- Phát huy vai trò hoạt động và chỉ đạo của Ban Chỉ đạo về Chính quyền điện tử tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng, ban hành Quy chế nội bộ về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trong cơ quan, đơn vị.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Cơ yếu Chính phủ, Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị cung cấp chứng thư số nhằm đảm bảo Kế hoạch được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

- Kiện toàn, củng cố đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT; bố trí cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về CNTT có năng lực phù hợp tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; nhất là đội ngũ cán bộ kỹ thuật đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3.4. Giải pháp về môi trường chính sách

- Triển khai có hiệu quả Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum.

- Xây dựng văn bản chỉ đạo thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương liên quan đến ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Các văn bản chỉ đạo thực hiện nghiêm, hiệu quả các quy chế, quy định đã được UBND tỉnh ban hành.

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

4. Kết quả và hiệu quả

- Đảm bảo được các chỉ tiêu đặt ra theo tại địa phương theo Quyết định 153/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ. Có tác động tích cực đến mọi mặt đời sống xã hội trong tất cả các lĩnh vực y tế, giáo dục, an ninh, quốc phòng.

- Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân, góp phần tuyên truyền phổ biến các đường lối chính sách của Đảng, nhà nước. Tạo môi trường, công cụ làm việc văn minh, hiện đại.

- Thay đổi cách thức làm việc, trao đổi thông tin, giúp cho việc trao đổi thông tin diễn ra nhanh chóng, thuận lợi.

- Giúp cho người dân tiếp cận với sự tiến bộ khoa học công nghệ thế giới, tiếp cận thị trường, thay đổi phương thức làm ăn, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo.

- Phát triển công nghệ thông tin hỗ trợ công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục ý thức phòng chống bệnh, sức khỏe sinh sản. Người dân ở vùng xa có thể thông qua Internet để được hưởng các điều kiện chăm sóc sức khỏe của các chuyên gia.

- Phát triển công nghệ thông tin giúp người dân có thêm cơ hội kinh doanh, cơ hội việc làm, các ý tưởng sáng tạo để xây dựng một cuộc sống no đủ hơn.

- Góp phần xây dựng chính quyền điện tử cho tỉnh Kon Tum. Các phần mềm tin học hóa quy trình tác nghiệp quản lý, đặc biệt là phần mềm Quản lý văn bản, điều hành tác nghiệp, quản lý đầu việc thông suốt từ tỉnh đến các huyện, thành phố, các phường, xã, liên thông giữa các phòng ban, các sở, ngành trong toàn tỉnh... sẽ làm cho lãnh đạo tỉnh nắm chắc tình hình và quản lý điều hành công việc tốt hơn.

- Giúp tỉnh Kon Tum tăng chỉ số về công nghệ thông tin.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì theo dõi, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, các khó khăn vướng mắc, đề xuất các giải pháp về UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp với các đơn vị cung cấp đường truyền nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm chất lượng đường truyền. Đẩy mạnh triển khai đưa hạ tầng di động và Internet về vùng sâu, vùng xa. Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan trong công tác Tổ chức đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT ở các cơ quan nhà nước các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về CNTT và việc thuê dịch vụ CNTT và đặc biệt là đào tạo về an toàn, an ninh thông tin.

5.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án thuộc lĩnh vực CNTT.

5.3. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn cho các đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí triển khai thực hiện và quyết toán theo quy định hiện hành.

- Tham mưu UBND tỉnh các cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn đảm bảo cho việc ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

5.4. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng khung chương trình đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ và các kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh gắn với tăng cường ứng dụng CNTT; chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh đưa chỉ tiêu ứng dụng, phát triển CNTT vào chỉ tiêu đánh giá cải cách hành chính và thi đua – khen thưởng, đảm bảo ứng dụng, phát triển CNTT là nội dung thường xuyên trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, cũng như kiểm điểm hàng năm của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính của tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

5.5. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị gửi nhận văn bản qua mạng.

- Vận hành, quản lý có hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh và thực hiện nhiệm vụ đầu mối kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ngay khi có hướng dẫn của Trung ương.

5.6. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

Căn cứ vào Kế hoạch này, chủ động xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm của đơn vị mình và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thuộc phạm vi của ngành, địa phương mình, đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án theo đúng nội dung, tiến độ của kế hoạch.

BIỂU THUYẾT MINH (1)

Thuê dịch vụ dò quét, phát hiện và gỡ bỏ mã độc trên các thiết bị máy chủ, máy trạm và các hệ thống thông tin quan trọng

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / / của UBND tỉnh Kon Tum)

1. Căn cứ lập đề xuất

Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Công bố Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Chi thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ.

2. Bối cảnh, dự báo

Hiện nay, Phần mềm độc hại là mối hiểm họa hàng đầu đe dọa đến sự an toàn thông tin cho các tổ chức và các cá nhân tham gia hệ thống. Phần mềm độc hại thế hệ mới có khả năng lây nhiễm và tốc độ phát tán cực kỳ nhanh, tần suất xuất hiện virus mới ngày càng tăng cao. Virus thế hệ mới có nhiều dạng thức tấn công vào hệ thống như: chiếm dụng quyền kiểm soát máy tính làm bàn đạp tấn công từ chối dịch vụ (Denial of Service - DoS) vào những mục tiêu xác định, tạo ra các cửa hậu (backdoor) trên máy tính để tạo điều kiện thuận lợi cho Hacker tấn công vào hệ thống, làm giảm hiệu suất của máy, làm giảm băng thông của hệ thống gây ách tắc trong quá trình trao đổi thông tin, làm sai lệch dữ liệu hoặc có thể nguy hiểm hơn là hành động xóa mất dữ liệu và làm hệ thống ngừng hoạt động.

Trong thời gian gần đây, các loại tội phạm công nghệ cao tại Việt Nam phát triển cả về số lượng các cuộc tấn công cũng như chất lượng và gây ra những hậu quả nghiêm trọng hơn, phạm vi và quy mô lớn hơn. Đối tượng hacker tấn công vào bất kỳ chỗ nào có thể, để phá hoại, để đánh cắp các thông tin, dữ liệu quý giá đối với đa phần là mục đích xấu, gây hậu quả về tài chính, kinh tế, làm tê liệt một phần không nhỏ tới công tác quản lý nhà nước và cao hơn nữa là

làm ảnh hưởng tới uy tín của Chính phủ Việt Nam trước cộng đồng quốc tế. Có rất nhiều công cụ cho Hacker được cung cấp trên Internet và rất dễ sử dụng, do vậy một người bình thường cũng có thể trở thành một Hacker nguy hiểm đối với hệ thống. Một số công cụ bình thường như các chương trình lấy cắp password trên mạng, các chương trình tạo Backdoor để thâm nhập và điều khiển máy mục tiêu...

Theo thống kê của Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (VNCERT, thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông) cho thấy, tình hình tấn công mạng gia tăng đáng kể trong năm 2017. Cụ thể, VNCERT đã ghi nhận tổng số 9.964 sự cố tấn công mạng trong nước của cả 3 loại hình Phishing (lừa đảo), Malware (mã độc) và Deface (tấn công thay đổi giao diện). Trong đó, số sự cố Phishing 2017 là 1.762 sự cố, Malware là 4.595 sự cố và Deface là 3.607 sự cố.

3. Mục tiêu

a. Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng được triển khai tại trên địa bàn tỉnh

b. Mục tiêu cụ thể

Các hệ thống thông tin quan trọng bao gồm trang thiết bị máy chủ, thiết bị lưu trữ, hệ thống mạng và các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin được thực hiện dò quét, phát hiện, gỡ bỏ mã độc.

4. Nhiệm vụ

a. Nội dung thuê

Thực hiện dò quét, phát hiện và gỡ bỏ mã độc trên các thiết bị máy chủ, máy trạm và các hệ thống thông tin quan trọng.

b. Nội dung dự án đầu tư phù hợp với chương trình

Đáp ứng các mục tiêu tương ứng tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 23/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Kinh phí

Căn cứ lập dự toán: Căn cứ các báo giá của nhà cung cấp dịch vụ theo hướng dẫn của Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thí điểm thuê dịch vụ Công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

a. Kinh phí của Chương trình: 800 triệu đồng

b. Kinh phí đối ứng của địa phương: 0

6. Thời gian thuê:

- a. thời gian thuê theo chương trình: 01 năm
- b. Thời gian thuê sau khi chương trình kết thúc: Không

7. Giải pháp thực hiện:

Triển khai thuê dịch vụ dò quét, phát hiện, gỡ bỏ mã độc phải có khả năng phản ứng kịp thời trong việc phát hiện, phân tích, gỡ bỏ mã độc. Đồng thời tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành của Nhà nước.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

9. Dự kiến hiệu quả và hoàn thành mục tiêu của chương trình

Các hệ thống thông tin được đảm bảo rà quét, phát hiện và gỡ bỏ mã độc ra khỏi hệ thống.

Đáp ứng các mục tiêu tương ứng tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 23/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

10. Phương án duy trì thực hiện thuê dịch vụ sau khi kết thúc chương trình

Sau khi kết thúc quá trình thuê dịch vụ, sẽ xây dựng hệ thống giám sát, phát hiện và ngăn chặn mã độc tập trung cho các hệ thống thông tin.

BIỂU THUYẾT MINH (2)

**Thuê dịch vụ giám sát đảm bảo an toàn thông tin của các hệ thống
thông tin dùng chung của tỉnh**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / / của UBND tỉnh Kon Tum)

1. Căn cứ lập đề xuất

Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Công bố Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Chi thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ.

2. Bối cảnh, dự báo

Hiện nay, Phần mềm độc hại là mối hiểm họa hàng đầu đe dọa đến sự an toàn thông tin cho các tổ chức và các cá nhân tham gia hệ thống. Phần mềm độc hại thế hệ mới có khả năng lây nhiễm và tốc độ phát tán cực kỳ nhanh, tần suất xuất hiện virus mới ngày càng tăng cao. Virus thế hệ mới có nhiều dạng thức tấn công vào hệ thống như: chiếm dụng quyền kiểm soát máy tính làm bàn đạp tấn công từ chối dịch vụ (Denial of Service - DoS) vào những mục tiêu xác định, tạo ra các cửa hậu (backdoor) trên máy tính để tạo điều kiện thuận lợi cho Hacker tấn công vào hệ thống, làm giảm hiệu suất của máy, làm giảm băng thông của hệ thống gây ách tắc trong quá trình trao đổi thông tin, làm sai lệch dữ liệu hoặc có thể nguy hiểm hơn là hành động xóa mất dữ liệu và làm hệ thống ngừng hoạt động.

Trong thời gian gần đây, các loại tội phạm công nghệ cao tại Việt Nam phát triển cả về số lượng các cuộc tấn công cũng như chất lượng và gây ra những hậu quả nghiêm trọng hơn, phạm vi và quy mô lớn hơn. Đối tượng hacker tấn công vào bất kỳ chỗ nào có thể, để phá hoại, để đánh cắp các thông tin, dữ liệu quý giá đối với đa phần là mục đích xấu, gây hậu quả về tài chính, kinh tế, làm tê liệt một phần không nhỏ tới công tác quản lý nhà nước và cao hơn nữa là

làm ảnh hưởng tới uy tín của Chính phủ Việt Nam trước cộng đồng quốc tế. Có rất nhiều công cụ cho Hacker được cung cấp trên Internet và rất dễ sử dụng, do vậy một người bình thường cũng có thể trở thành một Hacker nguy hiểm đối với hệ thống. Một số công cụ bình thường như các chương trình lấy cắp password trên mạng, các chương trình tạo Backdoor để thâm nhập và điều khiển máy mục tiêu...

Theo thống kê của Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (VNCERT, thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông) cho thấy, tình hình tấn công mạng gia tăng đáng kể trong năm 2017. Cụ thể, VNCERT đã ghi nhận tổng số 9.964 sự cố tấn công mạng trong nước của cả 3 loại hình Phishing (lừa đảo), Malware (mã độc) và Deface (tấn công thay đổi giao diện). Trong đó, số sự cố Phishing 2017 là 1.762 sự cố, Malware là 4.595 sự cố và Deface là 3.607 sự cố.

3. Mục tiêu

a. Mục tiêu tổng quát

Giám sát an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng được triển khai trên địa bàn tỉnh.

b. Mục tiêu cụ thể

Các hệ thống thông tin quan trọng bao gồm hạ tầng phần cứng và các dịch vụ Cổng thông tin điện tử, các trang thông tin điện tử thành phần, hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến, một cửa điện tử ... được giám sát đảm bảo an toàn thông tin thường xuyên, liên tục. Chủ động phát hiện các nguy cơ gây mất an toàn thông tin hệ thống và có biện pháp khắc phục, đối phó kịp thời.

4. Nhiệm vụ

a. Nội dung thuê

Thuê dịch vụ giám sát đảm bảo an toàn thông tin của các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

b. Nội dung dự án đầu tư phù hợp với chương trình

Đáp ứng các mục tiêu tương ứng tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 23/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Kinh phí

Căn cứ lập dự toán: Căn cứ các báo giá của nhà cung cấp dịch vụ theo hướng dẫn của Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thí điểm thuê dịch vụ Công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- a. Kinh phí của Chương trình: 600 triệu đồng
- b. Kinh phí đối ứng của địa phương: 0

6. Thời gian thuê:

- a. thời gian thuê theo chương trình: 01 năm
- b. Thời gian thuê sau khi chương trình kết thúc: hàng năm

7. Giải pháp thực hiện:

Thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục 24/7 các hệ thống thông tin, rà soát, kiểm tra, xây dựng các phương án chủ động phòng ngừa các nguy cơ gây mất An toàn thông tin.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

9. Dự kiến hiệu quả và hoàn thành mục tiêu của chương trình

Các hệ thống thông tin được giám sát an toàn thông tin thường xuyên liên tục, kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp khắc phục sự cố gây mất an toàn thông tin hệ thống.

Đáp ứng các mục tiêu tương ứng tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 23/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

10. Phương án duy trì thực hiện thuê dịch vụ sau khi kết thúc chương trình

Tiếp tục thuê dịch vụ sau khi kết thúc chương trình bằng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương.

.....